

TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUANG KHẢI Họ tên: Lớp:	SỐ BẢO DANH 	KTDK – GIỮA KÌ II – 2018 - 2019 Môn: TOÁN - Lớp 4 Ngày: /... /2019 (Thời gian: 40 phút)
		Giám thị

PHẦN LÀM BÀI CỦA HỌC SINH										
Câu 1:.../0,5đ	Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng câu 1 và câu 2: 1. Trong các số đo dưới đây, số đo bằng 80km^2 là: a. $8\ 000\ \text{m}^2$ b. $80\ 000\ \text{dm}^2$ c. $800\ 000\ \text{m}^2$ d. $80\ 000\ 000\ \text{m}^2$									
Câu 2:.../0,5đ	2. Chu vi của hình chữ nhật là 48cm. Nếu chiều dài là 15cm thì diện tích hình chữ nhật là : a. $24\ \text{cm}^2$ b. $126\ \text{cm}^2$ c. $135\ \text{cm}^2$ d. $720\ \text{cm}^2$									
Câu 3:.../0,5đ	3. Nối số đo ở cột A với số đo ở cột B sao cho phù hợp: <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center; width: 40%;">A</th> <th style="width: 10%;"></th> <th style="text-align: center; width: 40%;">B</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="border: 1px solid black; text-align: center;">$7\text{m}^2\ 20\text{cm}^2$</td> <td style="text-align: center;">•</td> <td style="border: 1px solid black; text-align: center;">70200cm^2</td> </tr> <tr> <td style="border: 1px solid black; text-align: center;">$7\text{m}^2\ 2\text{dm}^2$</td> <td style="text-align: center;">•</td> <td style="border: 1px solid black; text-align: center;">70020cm^2</td> </tr> </tbody> </table>	A		B	$7\text{m}^2\ 20\text{cm}^2$	•	70200cm^2	$7\text{m}^2\ 2\text{dm}^2$	•	70020cm^2
A		B								
$7\text{m}^2\ 20\text{cm}^2$	•	70200cm^2								
$7\text{m}^2\ 2\text{dm}^2$	•	70020cm^2								
Câu 4:.../0,5đ	4. Điền số đo thích hợp vào chỗ chấm : Một hình bình hành có diện tích $\frac{8}{5}\text{m}^2$, chiều cao là $\frac{2}{5}\text{m}$. Cạnh đáy tương ứng của hình bình hành đó là.....									
Câu 5:.../0,5đ	5. Ghi dấu so sánh vào ô trống: <table style="width: 100%;"> <tr> <td style="text-align: right;">3km^2</td> <td style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 20px;"></td> <td style="text-align: left;">$300\ 000\text{m}^2$</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">7m^2</td> <td style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 20px;"></td> <td style="text-align: left;">7000dm^2</td> </tr> </table>	3km^2		$300\ 000\text{m}^2$	7m^2		7000dm^2			
3km^2		$300\ 000\text{m}^2$								
7m^2		7000dm^2								
Câu 6:.../0,5đ	6. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống: - Góc nhọn lớn hơn góc tù ☐ - Góc nhọn bé hơn góc vuông ☐ - Góc vuông bằng $\frac{1}{2}$ góc bẹt ☐									
Câu 7:...../2đ	7. Tính:									

Câu 8:...../2đ	$\frac{7}{4} + \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$ $\frac{12}{15} - \frac{1}{5} = \dots\dots\dots$ $\frac{4}{9} \times \frac{3}{2} = \dots\dots\dots$ $\frac{6}{7} : \frac{3}{8} = \dots\dots\dots$ 8. A. Tìm x: $\frac{x}{7} = \frac{40}{35}$ B. Xếp các số đo sau theo thứ tự tăng dần: $\frac{1}{2} \text{ dm}; \frac{3}{2} \text{ dm}; \frac{1}{4} \text{ dm}; \frac{3}{5} \text{ dm}$ 9. Một vườn rau hình chữ nhật có chiều dài 120m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Cứ 1m² người ta thu được 5 kg rau xanh. Hỏi người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ rau xanh trồng tại vườn rau hình chữ nhật trên?
Câu 9:...../2đ	<u>Giải</u> 10. Hãy viết 5 phân số khác nhau lớn hơn $\frac{1}{7}$ và bé hơn $\frac{1}{2}$. <u>Giải</u>
Câu 10:...../1đ	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRẦN QUANG KHẢI

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM KTĐK GIỮA KÌ 2
MÔN TOÁN LỚP 4
NĂM HỌC 2018 - 2019

Bài 1 và bài 2:

Học sinh thực hiện
đúng mỗi câu được:
0,5 điểm.

Bài 1: d

Bài 2: c

Bài 3 và bài 4:

Học sinh ghi đúng
mỗi đáp án được 0,5
điểm.

Bài 3:

A		B
$7m^2 20cm^2$	•	$70200cm^2$
$7m^2 2dm^2$	•	$70020cm^2$

Bài 4: 4m

Bài 5: $3km^2 > 300\ 000\ m^2$

$7m^2 < 7000dm^2$

Bài 6: S – Đ – Đ

Bài 7:

Học sinh tính đúng
mỗi phép tính được
0,5 điểm.

Bài 7:

$$\frac{7}{4} + \frac{2}{3} = \frac{21}{12} + \frac{8}{12} = \frac{29}{12}$$

$$\frac{12}{15} - \frac{1}{5} = \frac{12}{15} - \frac{3}{15} = \frac{9}{15}$$

$$\frac{4}{9} \times \frac{3}{2} = \frac{12}{18}$$

$$\frac{6}{7} : \frac{3}{8} = \frac{6}{7} \times \frac{8}{3} = \frac{48}{21}$$

Bài 8A:

Học sinh làm đúng
mỗi bước được: 0,5
điểm.

Bài 8: (2 điểm)

A. Tìm x:

$$\frac{x}{7} = \frac{40}{35}$$

$$\frac{x}{7} = \frac{40:5}{35:5}$$

$$\frac{x}{7} = \frac{8}{7} \quad \text{vậy } x = 8$$

B. Thứ tự xếp là:

$\frac{1}{4}$ dm; $\frac{1}{2}$ dm; $\frac{3}{5}$ dm; $\frac{3}{2}$ dm (1 điểm)

Bài 8B: Đúng hết

thứ tự được 1 điểm.

Có thể ghi : Vì mẫu số $7 = 35 : 5$ nên Tử số $x = 40 : 5$

$$x = 8$$

Bài 9: Mỗi bước 0.5 điểm.

- Thiếu hoặc ghi sai đáp số, tên đơn vị trừ 0,5 điểm.

Bài 9: (2 điểm)

Giải

Chiều rộng vườn rau là : $120 \times \frac{2}{3} = 80 \text{ (m)}$

Diện tích vườn rau là: $120 \times 80 = 9600 \text{ (m}^2\text{)}$

Số rau thu hoạch được là: $50 \times 960 = 48000 \text{ (kg)}$

$48000 \text{ kg tạ} = 48 \text{ tạ}$

Đáp số: 48 tạ

Bài 10: Mỗi bước 0.5 điểm.

Bài 10: (1 điểm)

Giải

Ta có: $\frac{1}{7} = \frac{1 \times 4}{7 \times 4} = \frac{4}{28}$ $\frac{1}{2} = \frac{1 \times 14}{2 \times 14} = \frac{14}{28}$

0.5

Ta được : $\frac{4}{28}$; $\frac{3}{28}$; $\frac{4}{28}$; $\frac{5}{28}$; $\frac{6}{28}$; $\frac{7}{28}$; $\frac{14}{28}$

0.5

Học sinh có thể trình bày cách khác.